

# HAI CÁCH TIẾP CẬN PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

Có hai khía cạnh nghiên cứu phân tích thị trường lao động: vi mô và vĩ mô. Cách tiếp cận kinh tế vi mô nghiên cứu vai trò của các cá nhân và các công ty trong thị trường lao động. Cách tiếp cận kinh tế vĩ mô xem xét mối tương quan giữa thị trường lao động, thị trường hàng hoá, thị trường tiền tệ, và thị trường thương mại nước ngoài. Cách tiếp cận này xem xét những ảnh hưởng tương tác của các biến vĩ mô như việc làm, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động, tổng thu nhập và tổng sản phẩm trong nước (GDP).

## I. Phân tích vĩ mô thị trường lao động

Trong **kinh tế học** lao động được hiểu là một **yếu tố sản xuất** do con **người** tạo ra và là một **dịch vụ** hay **hàng hóa**. Người có **nhu cầu** về hàng hóa này là người sản xuất. Còn người cung cấp hàng hóa này là **người lao động**. Cũng như mọi hàng hóa và dịch vụ khác, lao động được trao đổi trên thị trường, gọi là *thị trường lao động*. **Giá cả** của lao động là *tiền công* thực tế mà người sản xuất trả cho người lao động. Mức tiền công chính là mức giá của lao động.

Những người trong **lực lượng lao động** là những người cung cấp lao động. Thông thường, lực lượng lao động bao gồm tất cả những người đang ở trong độ tuổi lao động (thường là lớn hơn một độ tuổi nhất định - Bộ Luật Lao động của Việt Nam quy định là 15 tuổi) và chưa đến tuổi nghỉ hưu đang tham gia lao động. Những người không được tính vào lực lượng lao động là những sinh viên, người nghỉ hưu, những người già cả, những người trong tù, những người không có ý định tìm kiếm việc làm. Một phần nhỏ trong lực lượng lao động đang tìm kiếm việc làm nhưng không thể tìm được việc làm tạo thành đội quân thất nghiệp.

Số thất nghiệp là lực lượng lao động trừ đi số lượng người hiện đang làm việc. Tỷ lệ thất nghiệp là số thất nghiệp chia cho lực lượng lao động. Tỷ lệ việc làm là số người hiện đang làm việc chia cho dân số trưởng thành (từ đủ 15 tuổi trở lên) hoặc cho dân số trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là số người trong lực lượng lao động chia cho quy mô của dân số trưởng thành (từ đủ 15 tuổi trở lên) hoặc cho dân số trong độ tuổi lao động.

Các biến như việc làm, thất nghiệp, lực lượng lao động, và chỗ làm việc trống có thể được đo tại một thời điểm và được gọi là các biến thời điểm, hoặc chúng cũng có thể được đo trong một khoảng thời gian và được coi là các biến thời kỳ. Thay đổi về lực lượng lao động là do các biến thời kỳ như tăng dân số tự nhiên, di cư thuần, người mới tham gia lực lượng lao động, và người về hưu ra khỏi lực lượng lao động. Thay đổi về tỷ lệ thất nghiệp phụ thuộc vào: luồng vào của những người không có việc làm bắt đầu tìm kiếm việc làm và những người có việc làm bị mất việc và tìm kiếm công việc mới; và luồng ra của những người tìm được việc làm mới và những người ngừng tìm kiếm việc làm. Khi xem xét tổng thể kinh tế vĩ mô, một số loại hình thất nghiệp được xác định, bao gồm:

Thất nghiệp ma sát - Điều này phản ánh thực tế là cần có thời gian để mọi người tìm được và giải quyết việc làm mới thành công. Nếu 12 cá nhân từng người mất một tháng trước khi họ bắt đầu một công việc mới, tổng hợp số liệu thống kê thất nghiệp trong năm sẽ ghi nhận điều này như một công nhân thất nghiệp duy nhất. Thay đổi công nghệ thường làm giảm tỷ lệ thất nghiệp ma sát, ví dụ: Internet làm cho việc tìm kiếm công việc dễ hơn

và toàn diện hơn.

Thất nghiệp cơ cấu - Điều này phản ánh sự không phù hợp giữa các kỹ năng và thuộc tính của lực lượng lao động và những yêu cầu của nhà tuyển dụng. Nếu 4 công nhân mất sáu tháng không làm việc để đào tạo lại trước khi họ bắt đầu một công việc mới, tổng hợp số liệu thống kê thất nghiệp trong năm sẽ ghi nhận điều này như hai công nhân thất nghiệp. Thay đổi công nghệ thường làm tăng thất nghiệp cơ cấu, ví dụ: thay đổi công nghệ có thể yêu cầu người lao động phải đào tạo lại.

Tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên - Đây là tổng của thất nghiệp cơ cấu và ma sát. Nó là tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất mà một nền kinh tế ổn định có thể mong đợi để đạt được, được nhìn nhận như là số thất nghiệp cơ cấu và ma sát không thể tránh khỏi. Các nhà kinh tế không đồng ý về tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên, với các ước tính khác nhau từ 1% đến 5%, hoặc về ý nghĩa của nó - một số nhà kinh tế gắn thất nghiệp tự nhiên với "lạm phát không tăng tốc". Tỷ lệ ước tính thay đổi từ nước này sang nước khác và theo thời gian.

Thất nghiệp do thiếu nhu cầu - Trong kinh tế học của Keynes, bất kỳ mức độ thất nghiệp vượt quá tỷ lệ tự nhiên rất có thể do nhu cầu không đủ trong nền kinh tế nói chung. Trong suy thoái, tổng chi tiêu là thiếu gây ra sử dụng thấp các đầu vào (bao gồm cả lao động). Tổng chi tiêu (AE) có thể được tăng lên, theo Keynes, bằng cách tăng chi tiêu tiêu dùng (C), tăng chi tiêu đầu tư (I), tăng chi tiêu chính phủ (G), hoặc làm tăng xuất khẩu ròng trừ đi nhập khẩu (X-M).

$$(AE = C + I + G + (X-M))$$

## II. Kinh tế vi mô tân cổ điển của thị trường lao động

Kinh tế vi mô tân cổ điển xem thị trường lao động tương tự như các thị trường khác mà trong đó các lực lượng cung và cầu cùng chung xác định giá (tiền lương) và số lượng (số lượng người có việc làm).

Tuy nhiên, thị trường lao động khác với các thị trường khác (như các thị trường hàng hoá, thị trường tiền tệ) theo nhiều cách. Có lẽ điều quan trọng nhất của những khác biệt này là chức năng của

cung và cầu trong việc thiết lập giá cả và số lượng. Trong thị trường hàng hoá, giá cao có xu hướng trong dài hạn đối với hàng hoá được sản xuất nhiều hơn cho đến khi nhu cầu được thỏa mãn. Với lao động, tổng thể cung không thể được sản xuất ra một cách có hiệu quả bởi vì mọi người có một số lượng hạn chế về thời gian trong ngày, và người ta không được sản xuất ra.

Hiệu ứng thu nhập cho thấy sự tăng lương tổng thể, trong nhiều tình huống, không phải là kết quả của việc cung lao động nhiều hơn: nó có thể là kết quả do nguồn cung lao động ít hơn cũng như do người công nhân mất nhiều thời gian hơn dành cho mục đích tăng tiền lương của họ lên.

Hiệu ứng thay thế của tiền lương cao hơn có thể khiến mọi người làm việc nhiều hơn, vì chi phí cơ hội để làm việc ít hơn là lớn hơn so với nó trước khi được tăng lên. Trong khi bằng chứng thực nghiệm có sẵn là lẫn lộn, một số nhà phân tích cho thấy hiệu ứng thu nhập và thay thế phản lệch nhau, dẫn đến nguồn cung không tăng. Trong toàn bộ thị trường lao động, các phân khúc cụ thể được cho là chủ thể hướng tới các quy tắc thông thường hơn của cung và cầu vì người công nhân có khả năng thay đổi các loại công việc để đáp ứng các mức lương khác nhau.

Thị trường lao động còn được xem như một thị trường không trọn vẹn. Trong khi hầu hết các thị trường có một điểm cân bằng mà ở đó không có sự vượt quá giới hạn dư thừa hoặc nhu cầu, thị trường lao động được cho rằng sẽ có một mức thất nghiệp liên tục. Thị trường lao động trái ngược hẳn với các thị trường khác cho thấy có sự khác biệt liên tục bởi thường giữa các công nhân tương tự.

Nhiều nhà kinh tế có suy nghĩ rằng, do không có pháp luật hoặc các tổ chức như công đoàn hay các tập đoàn đa quốc gia lớn, thị trường lao động có thể gần như là cạnh tranh hoàn hảo theo ý nghĩa kinh tế. Các giả định cạnh tranh dẫn đến kết luận rõ ràng - công nhân kiếm được sản phẩm cận biên lao động của họ.

### 1. Mô hình kinh tế vi mô tân cổ điển - Cung lao động

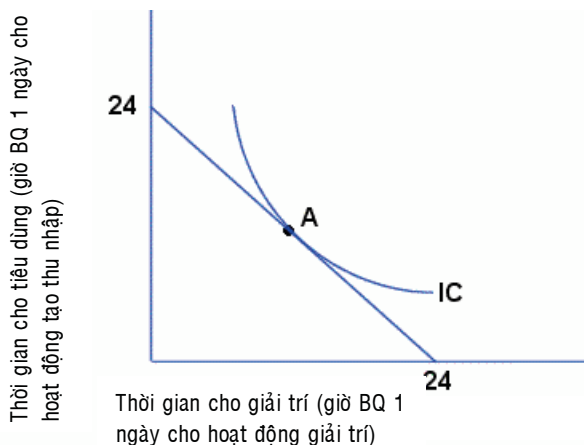
Hộ gia đình là nhà cung cấp lao động. Trong

lý thuyết kinh tế vi mô, mọi người được giả định có lý và đang tìm kiếm để tối đa hóa chức năng hữu dụng của mình. Trong mô hình này, thị trường lao động, chức năng hữu dụng của họ được xác định bởi sự lựa chọn giữa thu nhập và giải trí. Tuy nhiên, họ thường bị hạn chế bởi giờ thức dậy có thể của họ.

Ký hiệu  $w$  biểu thị tiền lương theo giờ. Ký hiệu  $k$  biểu thị tổng số giờ thức dậy. Ký hiệu  $L$  biểu thị giờ làm việc. Ký hiệu  $i$  biểu thị thu nhập hoặc lợi ích khác. Ký hiệu  $A$  biểu thị cho thời gian giải trí. Các chức năng hữu dụng và hạn chế ngân sách có thể được thể hiện như sau:

$$\max U(wL + \pi, A) \text{ sao cho } L + A \leq k.$$

Điều này có thể được hiển thị trong một đồ thị để minh họa sự cân bằng phân bổ thời gian của bạn giữa các hoạt động giải trí và các hoạt động tạo thu nhập. Đường hạn chế tuyến tính chỉ ra rằng chỉ có 24 giờ trong một ngày, và cá nhân phải chọn bao nhiêu thời gian để phân bổ cho các hoạt động giải trí và bao nhiêu để làm việc. (Nếu ngày được xem xét là số giờ tối đa có thể được phân bổ theo hướng giải trí hoặc làm việc vào khoảng 16 giờ do cần có giờ đi ngủ). Quyết định phân bổ này được thông báo bởi đường cong thờ ơ có nhãn IC. Đường cong cho thấy sự kết hợp của thời gian giải trí và thời gian công việc mà nó sẽ cung cấp cho cá nhân mức độ hữu ích cụ thể. Các điểm mà tại đó đường cong thờ ơ cao nhất chỉ là tiếp xúc với đường hạn chế (điểm A), minh họa trạng thái cân bằng ngắn

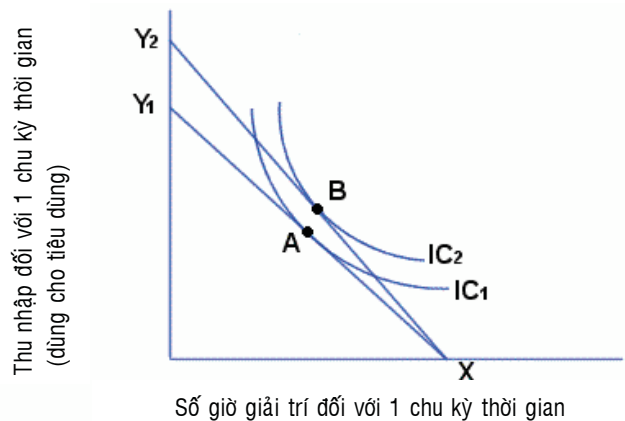


Đánh đổi thu nhập/giải trí trong ngắn hạn

hạn cho nhà cung cấp dịch vụ lao động.

Nếu sở thích đối với tiêu dùng được đo bằng giá trị của thu nhập nhận được, chứ không phải là giờ làm việc, sơ đồ này có thể được sử dụng để hiển thị một loạt các hiệu ứng thú vị. Điều này là do độ dốc của đường hạn chế ngân sách trở thành mức tiền lương. Điểm tối ưu (điểm A) phản ánh sự tương đương giữa mức tiền lương và tỷ lệ cận biên thay thế, giải trí cho thu nhập (độ dốc của đường cong thờ ơ). Bởi vì tỷ lệ cận biên thay thế, giải trí cho thu nhập, cũng là tỷ lệ hữu dụng cận biên của giải trí ( $MU^L$ ) tới hữu dụng cận biên của thu nhập ( $MU^Y$ ), có thể kết luận:

$$\frac{MU^L}{MU^Y} = \frac{dY}{dL}$$



Hiệu ứng gia tăng tiền lương

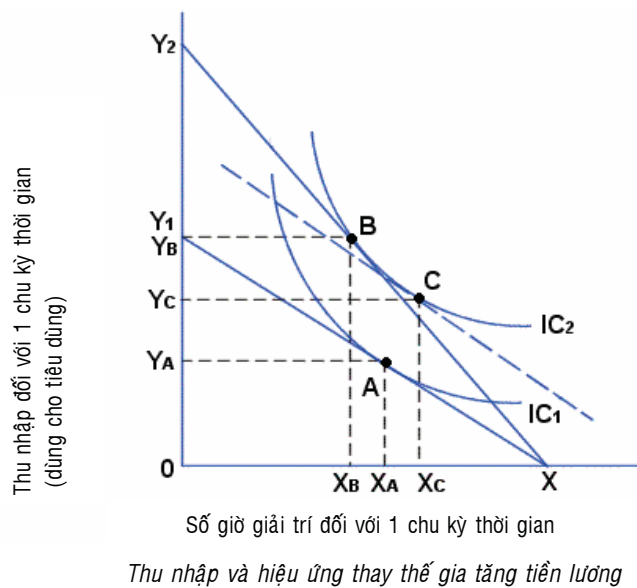
Nếu tiền lương tăng, đường hạn chế này của cá nhân xoay lên từ  $X, Y1$  đến  $X, Y2$ . Người công nhân bây giờ có thể mua thêm hàng hóa và dịch vụ. Hữu dụng của họ sẽ tăng từ điểm A trên  $IC1$  tới điểm B trên  $IC2$ . Để hiểu những gì hiệu ứng này có thể có về quyết định bao nhiêu giờ làm việc, bạn phải xem xét hiệu ứng thu nhập và có hiệu ứng thay thế.

Việc tiền lương tăng được hiển thị trong sơ đồ trước đó có thể được dịch ngược thành hai hiệu ứng riêng biệt. Hiệu ứng thu nhập thuần được hiển thị như là sự di chuyển từ điểm A tới điểm C trong sơ đồ sau. Mức tiêu dùng tăng từ  $Y_A$  tới  $Y_C$  và - giả

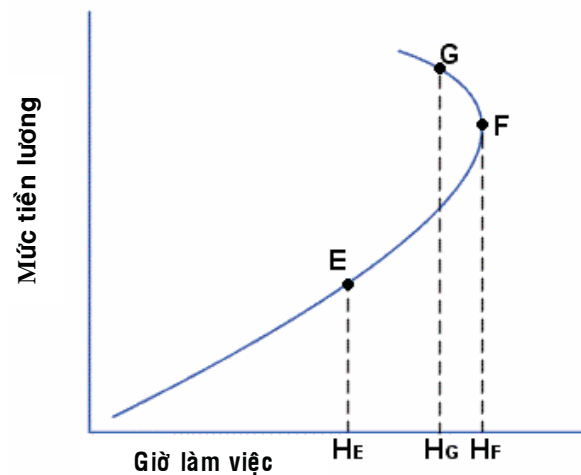
thiết giải trí là một lợi ích chuẩn - thời gian giải trí tăng từ XA đến XC (thời gian việc làm giảm của cùng một số lượng; XA đến XC).

Nhưng đó chỉ là một phần của hình. Khi mức lương tăng lên, người lao động sẽ thay thế giờ làm việc cho giờ giải trí, có nghĩa là, sẽ làm việc nhiều giờ hơn để tận dụng mức lương cao hơn, hay nói cách khác thay thế giải trí do chi phí cơ hội của họ cao hơn. Hiệu ứng thay thế được thể hiện bằng sự di chuyển từ điểm C tới điểm B. Tác động ròng của hai hiệu ứng được thể hiện bởi sự di chuyển từ điểm A tới điểm B. Cường độ tương đối của hai hiệu ứng phụ thuộc vào các hoàn cảnh. Trong một số trường hợp, hiệu ứng thay thế lớn hơn so với hiệu ứng thu nhập (trong trường hợp nhiều thời gian hơn sẽ được dùng vào làm việc), nhưng trong các trường hợp khác hiệu ứng thu nhập sẽ lớn hơn so với hiệu ứng thay thế (trong trường hợp ít thời gian hơn được dùng vào làm việc). Trực giác đằng sau trường hợp thứ hai này là người lao động đã đạt đến điểm mà hữu dụng cận biên của họ về giải trí nặng hơn hữu dụng cận biên của họ về thu nhập. Nói một cách không chính thức (và ít chính xác hơn): không có điểm kiếm được tiền nhiều hơn nếu bạn không có thời gian dành cho nó.

Nếu hiệu ứng thay thế lớn hơn hiệu ứng thu nhập, đường cong cung lao động (biểu đồ bên phải)



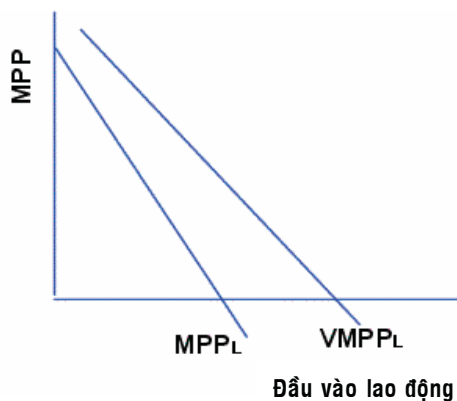
sẽ trở lên dốc sang phải, ví dụ, giống như ở điểm E. Cá nhân này sẽ tiếp tục tăng cung dịch vụ lao động của anh ta do mức lương tăng lên đến điểm F, nơi anh ta đang làm việc  $H_F$  giờ (từng thời kỳ). Xa điểm này, anh ta sẽ bắt đầu giảm số giờ lao động mà anh ta cung cấp (ví dụ tại điểm G, anh ta đã giảm giờ làm việc của mình xuống  $H_G$ ). Khi đường cung dốc lên sang phải (hệ số co giãn tiền lương dương của cung lao động), hiệu ứng thay thế là lớn hơn hiệu ứng thu nhập. Khi nó dốc lên sang trái (hệ số co giãn âm), hiệu ứng thu nhập lớn hơn hiệu ứng thay thế. Hướng của độ dốc có thể thay đổi nhiều hơn một lần đối với một số cá nhân, và đường cung lao động có khả năng là khác nhau cho các cá nhân khác nhau. Các biến khác ảnh hưởng đến quyết định này bao gồm thuế, phúc lợi, và môi trường làm việc.



**2. Mô hình kinh tế vi mô tân cổ điển - Cầu**

Phần này nghiên cứu đường cung lao động minh họa ở mọi mức tiền lương số giờ tối đa một công nhân sẽ sẵn sàng cung cấp cho nền kinh tế trong mỗi thời kỳ. Các nhà kinh tế cũng cần phải biết số giờ tối đa một chủ sử dụng lao động sẽ yêu cầu tại mọi mức tiền lương. Để hiểu rõ số giờ yêu cầu cho mỗi khoảng thời gian cần thiết phải xem xét việc sản xuất sản phẩm. Đó là, cầu lao động là một nhu cầu xuất phát: nó được bắt nguồn từ các mức sản phẩm trong thị trường hàng hoá.

Cầu lao động của một công ty dựa trên sản phẩm vật chất cận biên của lao động công ty (MPL). Điều này được định nghĩa là sản phẩm cộng thêm (hoặc sản phẩm vật chất) là kết quả từ sự gia tăng của một đơn vị lao động (hoặc từ sự gia tăng rất ít về lao động). Nếu bạn không quen thuộc với các khái niệm này, bạn có thể muốn xem vấn đề cơ bản lý thuyết sản xuất trước khi tiếp tục với bài viết này.



Sản phẩm vật chất cận biên của lao động

Trong hầu hết các ngành công nghiệp, và trên phạm vi liên quan của sản phẩm, sản phẩm vật chất cận biên của lao động là giảm. Đó là, do nhiều đơn vị lao động được tuyển dụng hơn, sản phẩm cộng thêm của họ bắt đầu giảm xuống. Điều này được phản ánh bằng độ dốc của đường  $MPP_L$  trong biểu đồ sang bên phải. Nếu sản phẩm vật chất cận biên của lao động được nhân với giá trị của sản phẩm mà nó tạo ra, chúng ta có được giá trị của sản phẩm vật chất cận biên của lao động:

$$MPP_L * P_Q = VMPP_L$$

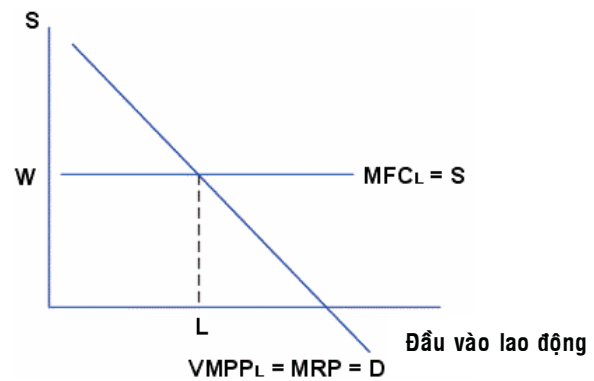
Giá trị của sản phẩm vật chất cận biên của lao động ( $VMPP_L$ ) là giá trị sản phẩm cộng thêm được sản xuất bởi một đơn vị lao động bổ sung. Điều này được minh họa trong biểu đồ của đường cong  $VMPP_L$  ở trên đường  $MPP_L$ .

Trong ngành công nghiệp cạnh tranh,  $VMPP_L$  là đồng nhất với sản phẩm doanh thu cận biên của lao động ( $MRP_L$ ). Điều này là do giá thị trường cạnh tranh bằng doanh thu cận biên, và sản phẩm doanh thu cận biên được định nghĩa là sản phẩm vật chất cận biên nhân với doanh thu cận biên từ sản xuất

( $MRP = MPP * MR$ ).

*Cầu lao động của công ty trong ngắn hạn*

Các sản phẩm doanh thu cận biên của lao động có thể được sử dụng như là cầu về đường cong lao động cho công ty này trong ngắn hạn. Trong thị



Cầu lao động của công ty trong ngắn hạn

trường cạnh tranh, công ty phải đối mặt với một nguồn cung cố định hoàn toàn của lao động tương ứng với mức tiền lương và nguồn chi phí cận biên của lao động ( $W = S_L = MFC_L$ ). Trong các thị trường không hoàn hảo, các biểu đồ sẽ được điều chỉnh bởi vì  $MFC_L$  sau đó sẽ bằng với mức tiền lương chia cho chi phí cận biên. Do phân bổ nguồn lực tối ưu đòi hỏi yếu tố chi phí cận biên bằng sản phẩm doanh thu cận biên, công ty sẽ yêu cầu  $L$  các đơn vị lao động như được thể hiện trong biểu đồ.

### 3. Mô hình kinh tế vi mô tân cổ điển - cân bằng

Cầu lao động của công ty này có thể được cộng với các cầu lao động của tất cả các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế để có được tổng cầu về lao động. Tương tự như vậy, các đường cung của tất cả các cá nhân lao động (như trên) có thể được cộng để có được cung tổng hợp của lao động. Những đường cung và cầu có thể được phân tích trong cùng một cách như bất kỳ đường cầu của ngành công nghiệp khác và đường cung để xác định cân bằng tiền lương và mức việc làm. (Morendy Octora)./.

**Phạm Đăng Quyết**

Dịch từ "Labour economics"  
From Wikipedia, the free encyclopedia.  
[http://en.wikipedia.org/wiki/Labour\\_economic#Two\\_way\\_of\\_analysing\\_Labour\\_markets](http://en.wikipedia.org/wiki/Labour_economic#Two_way_of_analysing_Labour_markets)